

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 14/11/2021

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT3236	Lê Thị Hà	Anh	03/12/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
2	CNTT3237	Lê Xuân Tú	Anh	20/07/1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
3	CNTT3238	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/11/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	6,0	Đạt	
4	CNTT3239	Phạm Viết	Ánh	20/07/1997	Nam Định	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt	
5	CNTT3240	Trần Văn	Bính	09/09/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
6	CNTT3241	Nguyễn Thị	Bình	01/02/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,5	Đạt	
7	CNTT3242	Nguyễn Thúy	Cải	01/07/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
8	CNTT3243	Lộc Minh	Châu	11/03/1998	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,0	Đạt	
9	CNTT3244	Hoàng Thị Linh	Chi	27/09/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	9,5	Đạt	
10	CNTT3245	Phạm Thị Kim	Chi	24/10/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,2	6,5	Đạt	
11	CNTT3246	Giáp Kiên	Cường	25/05/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	0,0	Không đạt	
12	CNTT3247	Hà Thị	Dung	06/09/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
13	CNTT3248	Vũ Hải	Hà	21/10/1998	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt	
14	CNTT3249	Bùi Thị	Hiêng	25/05/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	8,0	Đạt	
15	CNTT3250	Vũ Minh	Hiếu	03/01/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	8,0	Đạt	
16	CNTT3251	Lê Thị	Hoa	25/10/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	8,0	Đạt	
17	CNTT3252	Trần Việt	Hoàng	24/12/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	9,5	Đạt	
18	CNTT3253	Chu Quốc	Huy	09/05/2000	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,5	Đạt	
19	CNTT3254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	18/04/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	8,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
20	CNTT3255	Nguyễn Trọng	Linh	16/09/1998	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt	
21	CNTT3256	Chu Đức	Mạnh	29/06/1998	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,0	0,0	Không đạt	
22	CNTT3257	Nguyễn Tuấn	Minh	08/03/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	0,0	Không đạt	
23	CNTT3258	Vũ Phương	Nam	06/08/1999	Hưng Yên	Nam	Kinh	8,2	8,5	Đạt	
24	CNTT3259	Nguyễn Xuân	Nguyên	11/10/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
25	CNTT3260	Trần Thị Hồng	Nhung	31/08/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	9,0	Đạt	
26	CNTT3261	Nguyễn Thị	Nương	11/09/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	9,0	Đạt	
27	CNTT3262	Nguyễn Thị Kim	Thoa	27/02/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,0	Đạt	
28	CNTT3263	Luân Văn	Toàn	04/05/2000	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,5	Đạt	
29	CNTT3264	Nông Quốc	Trí	05/02/2001	Bắc Giang	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt	
30	CNTT3265	Nguyễn Anh	Tuấn	06/10/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	8,5	Đạt	
31	CNTT3266	Nguyễn Mạnh	Tuấn	06/07/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
32	CNTT3267	Diêm Thị	Tuyết	23/11/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt	
33	CNTT3268	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	12/09/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
34	CNTT3269	Dương Văn	Tự	10/08/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt	
35	CNTT3270	Nguyễn Thị Kim	Tươi	04/04/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,5	Đạt	
36	CNTT3271	Lương Văn	Tình	05/12/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
37	CNTT3272	Phạm Thị	Xuyên	29/05/1969	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
38	CNTT3273	Nguyễn Khắc	Chiến	29/08/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
39	CNTT3274	Trần Văn	Chính	10/09/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
40	CNTT3275	Đỗ Văn	Đông	17/07/1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
41	CNTT3276	Vũ Thị	Hà	01/05/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	8,5	Đạt	
42	CNTT3277	Nguyễn Văn	Hải	02/02/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
43	CNTT3278	Nguyễn Văn	Hoàng	13/08/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,5	Đạt	
44	CNTT3279	Nguyễn Thị	Huệ	20/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
45	CNTT3280	Đỗ Mạnh	Hùng	06/11/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
46	CNTT3281	Nguyễn Thị	Huyền	23/06/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt	
47	CNTT3282	Nguyễn Thị Bích	Hương	30/10/1983	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,2	8,5	Đạt	
48	CNTT3283	Vũ Ngọc	Linh	10/07/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
49	CNTT3284	Nguyễn Thành	Luân	24/11/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	6,0	Đạt	
50	CNTT3285	Nguyễn Khắc	Lùng	05/05/1975	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
51	CNTT3286	Doãn Thị Thanh	Mai	28/10/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	6,0	Đạt	
52	CNTT3287	Nguyễn Anh	Mẫn	18/06/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	Đạt	
53	CNTT3288	Nguyễn Thị	Mến	09/06/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
54	CNTT3289	Vũ Thị	Nhung	04/03/1995	Hải Dương	Nữ	Kinh	8,2	9,0	Đạt	
55	CNTT3290	Nguyễn Văn	Thanh	22/11/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	6,0	Đạt	
56	CNTT3291	Phạm Mạnh	Thắng	01/06/1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: 56

Số thí sinh vắng thi: 1

Số thí sinh dự thi: 55

Số thí sinh đạt yêu cầu: 52

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 3

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2021

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Nguyễn Thị Hoa